

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh cao học đợt 1 năm 2018 - Khóa 37**

Căn cứ Công văn số 5347/BGDĐT-GDDH ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ủy quyền cho Giám đốc Đại học Đà Nẵng ký quyết định tổ chức đào tạo một phần chương trình trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngoài cơ sở tại các tỉnh thuộc Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo chương trình định hướng thạc sĩ ứng dụng cho Trường Đại học Sư phạm tại Trường Đại học Bình Dương (sau đây gọi là cơ sở liên kết) với các nội dung như sau:

**1. Ngành tuyển sinh**

STT	Mã số	Cơ sở đào tạo/Ngành	Chỉ tiêu
	<b>DDS</b>	<b>Trường Đại học Sư phạm</b>	<b>160</b>
1	8140101	Giáo dục học	20
2	8140114	Quản lý giáo dục	20
3	8220121	Văn học Việt Nam	20
4	8229020	Ngôn ngữ học	20
5	8310401	Tâm lý học	20
6	8420114	Sinh học thực nghiệm	20
7	8420120	Sinh thái học	20
8	8480104	Hệ thống thông tin	20

**2. Thời gian và địa điểm đào tạo**

- Thời gian đào tạo: từ 1,5 năm đến 02 năm.

- Chương trình đào tạo được phối hợp tổ chức tại cơ sở đào tạo và cơ sở liên kết theo công văn số 1761/BGDĐT-GDDH ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện khoản 2, điều 23 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

**3. Điều kiện dự tuyển**

**3.1. Về văn bằng**

Người tham gia dự thi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm tính đến thời điểm dự thi hoặc có bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học loại trung bình được đăng ký dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định.

đ) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ không chính quy khác, loại Trung bình khá trở lên hoặc tương đương, hoặc loại trung bình có thêm 1 bằng đại học khác được dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đúng hoặc gần với ngành tốt nghiệp đại học sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định.

**Ghi chú:** Bằng đại học, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành và học bổ sung các học phần theo quy định của cơ sở đào tạo.

### **3.2. Về kết quả học bổ sung kiến thức**

Đối với các thí sinh cần học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên của ĐHQĐN và có bằng điểm môn học trước khi dự thi.

### **3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng ký đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự thi không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn;

b) Đối với ngành “Quản lý Giáo dục”:

- *Định hướng hướng nghiên cứu*

+ Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần tốt nghiệp loại khá trở lên được dự thi ngay;

+ Các trường hợp còn lại: có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên), tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, cán bộ dự nguồn ở các trường mầm non trở lên; Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; Chuyên viên các phòng/ban của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, CT-XH, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

- *Định hướng ứng dụng*

+ Người tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần được dự thi ngay, không yêu cầu về thâm niên công tác;

+ Các trường hợp còn lại: có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên), tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, cán bộ dự nguồn ở các trường mầm non trở lên; Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; Chuyên viên các phòng/ban của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, CT-XH, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

## **4. Môn thi tuyển**

Thí sinh dự thi 03 môn: gồm môn Ngoại ngữ, môn Chủ chốt và môn Cơ sở ngành.

a) Môn thi thứ 1 (Ngoại ngữ): Thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Trung.

b) Môn thi thứ 2 (Chủ chốt): là môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

c) Môn thi thứ 3 (Cơ sở ngành): là môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

## **5. Miễn thi ngoại ngữ**

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của ĐHQĐN thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT công nhận.

## **6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **6.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điều a;

### **6.2. Mức ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

### **6.3. Các loại giấy tờ cần nộp để hưởng chính sách ưu tiên**

- Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và xác nhận của xã, phường về việc cơ quan đó nằm trong khu vực được ưu tiên (đối tượng a).

- Bản sao thẻ thương binh/bệnh binh (có công chứng), các loại giấy tờ xác nhận có liên quan (đối tượng b,c,d,đ).

- Bản sao CMND, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu và xác nhận của địa phương nơi cư trú (đối tượng e).

## **7. Đăng ký dự thi, lệ phí**

### **7.1. Đăng ký dự thi**

Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến trên trang Tuyển sinh của ĐHQĐN tại địa chỉ: <http://www.ts.udn.vn/>, mục “**Đăng ký trực tuyến**”.

Thời hạn đăng ký dự thi: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **27/4/2018**.

Sau khi đăng ký trực tuyến thí sinh nộp các giấy tờ bổ sung tại Trường Đại học Bình Dương.

## **7.2. Lệ phí**

Lệ phí đăng ký dự thi: **100.000 đồng/thí sinh/hồ sơ**;

Lệ phí dự thi: **650.000 đồng/thí sinh**. Đối với thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ: **450.000 đồng/thí sinh**. Thí sinh nộp lệ phí tại Trường Đại học Bình Dương.

Kinh phí phát sinh để tổ chức kỳ thi tại cơ sở liên kết (có thông báo sau).

Trường Đại học Bình Dương chuyển toàn bộ giấy tờ bổ sung và lệ phí dự thi của thí sinh về ĐHDN trước ngày **04/5/2018**.

## **8. Học bổ sung kiến thức**

- Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Trường Đại học Bình Dương.

- Trường Đại học Bình Dương phối hợp với Trường Đại học Sư phạm qua Phòng Đào tạo để tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức và hoàn thành trước khi thí sinh dự thi.

Phòng Đào tạo trường ĐHSP: số điện thoại 02363. 841323 (bấm 114).

## **9. Thời gian thi tuyển và nhập học**

Thi tuyển: Dự kiến tổ chức vào các ngày: **26 và 27/5/2018**.

Nhập học: Dự kiến tháng **06/2018**.

## **10. Địa chỉ liên hệ**

Phòng Đào tạo Trường Đại học Bình Dương. Điện thoại: 0274. 3822058 (bấm 100).

Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Danh mục các môn thi cho từng chuyên ngành; danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi; các môn học bổ sung kiến thức cho các ngành đúng hoặc phù hợp; ngành gần, bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ dành cho trình độ thạc sĩ xem trên Website: <http://www.ts.udn.vn> hoặc <http://www.udn.vn/bandaotao/>.

### ***Nơi nhận:***

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Các cơ sở đào tạo SDH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở GD&ĐT;
- Trường ĐHSP;
- Trường ĐH Bình Dương;
- Lưu: VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**

*(Đã ký)*

## PHỤ LỤC

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-DHĐN ngày tháng 4 năm 2018  
của Đại học Đà Nẵng)

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.